

CÔNG TY CỔ PHẦN MEKONG CÁI MÉP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MEKONG CÁI MÉP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEKONG CAI MEP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MEKONG CAI MEP JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3502407806

3. Ngày thành lập: 18/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô số 9CN, khu công nghiệp Cái Mép, đường 965, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 02838734343

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các loại máy, thiết bị nông lâm ngư nghiệp (không sản xuất và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	2821
2.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các loại máy, thiết bị thủy lợi (không sản xuất và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	2829
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ: bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy, thiết bị nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi.	3312
5.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Huấn luyện đào tạo, xây dựng, tiếp nhận và thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển.	8299
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông lâm sản, nguyên liệu.	4620
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán điện thoại di động.	4652

9.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu mô tô, xe máy.	4541
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi; thiết bị văn phòng.	4659(Chính)
11.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu xe có động cơ. Mua bán, xuất nhập khẩu: xe ô tô (xe du lịch và xe chở khách từ 4 đến 50 chỗ ngồi, xe cứu thương); xe tải, rơ moóc (xe tải thùng, xe tải tự đổ, xe tải có cầu, xe Xitec, xe đông lạnh, xe ép rác, xe chở máy thi công, rơ moóc); xe chuyên dùng (xe cần cẩu, xe trộn bê tông, xe cứu hộ, xe cứu hỏa).	4511
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới: các loại máy, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi, xe có động cơ, mô tô, xe máy, thiết bị văn phòng, điện thoại di động, nông lâm sản, nguyên liệu, vật tư, lương thực, thực phẩm. Môi giới xe ô tô (xe du lịch và xe chở khách từ 4 đến 50 chỗ ngồi, xe cứu thương); xe tải, rơ moóc (xe tải thùng, xe tải tự đổ, xe tải có cầu, xe Xitec, xe đông lạnh, xe ép rác, xe chở máy thi công, rơ moóc); xe chuyên dùng (xe cần cẩu, xe trộn bê tông, xe cứu hộ, xe cứu hỏa)	4610
13.	Xây dựng công trình thủy	4291
14.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông nông thôn.	4212
15.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các loại xe có động cơ (không sản xuất và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	2910
16.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
17.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu đồ uống.	4633
18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý xe có động cơ: Đại lý xe ô tô (xe du lịch và xe chở khách từ 4 đến 50 chỗ ngồi, xe cứu thương); xe tải, rơ moóc (xe tải thùng, xe tải tự đổ, xe tải có cầu, xe Xitec, xe đông lạnh, xe ép rác, xe chở máy thi công, rơ moóc); xe chuyên dùng (xe cần cẩu, xe trộn bê tông, xe cứu hộ, xe cứu hỏa).	4513
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển	7730
20.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

21.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng	5210
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
28.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm); Cho thuê xe tải	7710
29.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5222
31.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
32.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Giám định, kiểm định chất lượng hàng hóa	7120
33.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
35.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ MÊ KÔNG	117-119 Pasteur, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	0300715496	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		
2	HUỖNH TRẦN THUY ANH	143 Nguyễn Chí Thanh, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	201635284	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

3	LÊ VĂN HUYỀN	414/12/6A Quốc lộ 13, khu phố 6, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	038085002878
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH TRÍ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/03/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 021670835

Ngày cấp: 28/03/2008

Nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 70 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 70 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu